

Gò Vấp, ngày 12 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO
Về các khoản thu năm học 2023-2024

Căn cứ Nghị quyết số **04/2023/NQ-HĐND** ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023 – 2024;

Căn cứ Công văn số **4687/SGDDĐT-KHTC** ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Hướng dẫn số **4103/HDLS/BHXH-GDDT** ngày 01/8/2023 về hướng dẫn thực hiện BHYT Học sinh, sinh viên năm học 2023-2024.

Căn cứ vào công văn số **4827/UBND-TCKH-GDDT** ngày 25 tháng 9 năm 2023 về thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc quận năm học 2023-2024;

Căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị, Trường Tiểu học Chi Lăng thông báo các khoản thu năm học 2023-2024 nhưng không vượt quá mức thu quy định tại NQ 04/2023/NQ-HĐND và không cao hơn 15% so với NH 2022-2023. Cụ thể như sau :

I. Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa:

Stt	Nội dung thu	Mức thu theo NQ 04/2023/NQ-HĐND	Mức thu theo CV 4827/UBND-TCKH-GDDT	Mức thu của trường NH 2023-2024	Ghi chú
1	Tiền tổ chức 2 buổi/ngày (đồng/HS/tháng)	Không thu	Không thu	Không thu	
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ (đồng/HS/tháng)	100.000	69.000	60.000	
3	Tiền tổ chức dạy tin học				

3.1	Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn (đồng/HS/tháng)	50.000	50.000 (Khối 1,2,5)	50.000 (Khối 5) 25.000 (Khối 1, 2)	
3.2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học (đồng/HS/tháng)	70.000	Không thu	Không thu	
4	Tiền tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa				
4.1	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ (đồng/HS/tháng/môn) TiH, THCS: 1 tiết/tuần	120.000	70.000 – 120.000	Tổ chức CLB Vui học Toán, CLB Tiếng Việt, CLB Năng khiếu (5 tiết/tuần gồm 03 CLB) 70.000đ/CLB/tháng x 3 CLB = 210.000đ (HS K1,2,3,4,5)	
4.2	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống (đồng/HS/tháng) TiH, THCS: 1 tiết/tuần	120.000	80.000	80.000	
4.3	Tiền tổ chức Giáo dục Stem (đồng/HS/tháng)	90.000	90.000	90.000	
4.4	Tiền tổ chức học bơi	250.000	125.000	125.000 (lớp 3)	

	(đồng/HS/tháng) TiH, THCS: 3 tiết/tuần				
4.5	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (đồng/HS/tháng) TiH, THCS: 1-2 tiết/tuần	260.000	103.000 – 207.000	180.000đ (HS các lớp 1/1, 1/2, 1/3, 1/4, 2/1, 2/2, 3/5, 3/6, 3/7, 3/8, 5/5)	
4.6	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ (đồng/HS/tháng)	250.000	250.000	Không thu	
4.7	Tiền tổ chức chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học (đồng/HS/tháng) TiH: 2 tiết/tuần	550.000	550.000	550.000 (HS các lớp học Toán Khoa – 1/7,1/8,1/9,1/10, 2/3,2/4,2/5, 3/2,3/3,3/4, 5/2,5/3,5/4) 500.000 (lớp 4/2,4/3,4/4,4/5)	

II. Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện các Đề án.

STT	Nội dung thu	Mức thu theo NQ 04/2023/NQ- HDND	Mức thu theo CV 4827/UBND- TCKH-GDDT	Mức thu đề xuất NH 2023- 2024	Ghi chú
5	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “Dạy và học các môn toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” (đồng/HS/tháng) TiH, THCS: 8 tiết/tuần	3.600.000	3.600.000	3.600.000	
6	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “Nâng cao năng	150.000	150.000	Không có	

	lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2023” (đồng/HS/tháng) TiH, THCS: 2 tiết/tuần				
7	Tiền tổ chức thực hiện Đề án Trường thực hiện chương trình chất lượng cao “trường tiên tiến, hội nhập quốc tế” (đồng/HS/tháng)	1.725.000	1.725.000	Không có	

III. Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú

STT	Nội dung thu	Mức thu theo NQ 04/2023/NQ-HDND	Mức thu theo CV 4827/UBND-TCKH-GDDT	Mức thu đề xuất NH 2023-2024	Ghi chú
8	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú (đ/HS/tháng)	350.000	172.000	- Tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú đối với trường tự tổ chức nấu ăn cho HS (đồng/HS/tháng): 172.000	
9	Tiền vệ sinh bán trú	23.000	23.000	23.000	
10	Tiền phục vụ ăn sáng (đồng/học sinh/tháng)	60.000	60.000	60.000	
11	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú (đồng/học sinh/năm)	220.000	172.000	172.000	

IV. Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh

STT	Nội dung thu	Mức thu theo NQ 04/2023/NQ-HDND	Mức thu theo CV 4827/UBND-TCKH-GDĐT	Mức thu đề xuất NH 2023-2024	Ghi chú
12	Tiền mua sắm đồng phục học sinh (đồng/HS/bộ)	300.000	300.000	Không	
13	Tiền học phẩm-học cụ-học liệu (đồng/học sinh/năm)			Không	
14	Tiền học phẩm (đồng/học sinh/năm)	50.000	50.000	15.000 (HS K2,3,4) 30.000 (HS K1,5)	Tiền in đề kiểm tra Khối 1 (mua học bạ) Khối 5 (giấy hoàn thành chương trình tiểu học)
15	Tiền học cụ- học liệu (đồng/học sinh/năm)	250.000	250.000	Không	
16	Tiền suất ăn trưa bán trú (đồng/học sinh/ngày)	35.000	Không quá 34.000	33.000	
17	Tiền ăn sáng cho học sinh (đồng/học sinh/ngày)	20.000	13.500	13.500	
18	Tiền nước uống (đồng/học sinh/tháng)	20.000	13.800	13.800	
19	Tiền khám sức khỏe HS ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	60.000	60.000	17.500 (không khám	

	(đồng/học sinh/năm)			nha học đường)	
20	Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh) (đồng/HS/tháng)	45.000	45.000	PH Trả theo đồng hồ điện hàng tháng	
21	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: Sổ liên lạc điện tử, ứng dụng quản lý, điều hành thông tin giữa gia đình và nhà trường, các ứng dụng dạy học, ôn tập trực tuyến (đồng/HS/tháng)	110.000	50.000 – 110.000	15.000đ (Sổ liên lạc điện tử)	
22	Bảo hiểm tai nạn học sinh (tham gia tự nguyện) (đồng/HS/năm)			30.000	
23	Bảo hiểm y tế (tham gia bắt buộc) (đồng/HS/năm)			680.400	

HIỆU TRƯỞNG
(đã ký)

Nguyễn Ngọc Phương